

KNOWLEDGE AND PRACTICES REGARDING GESTATIONAL DIABETES MELLITUS PREVENTION AND ASSOCIATED FACTORS AMONG PREGNANT WOMEN ATTENDING ANTENATAL CARE AT HUE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL IN 2024

Tran Thi Thanh Nhan*, Le Duc Huy Hoang, Le Thi Bich Thuy, Tran Van Vui

University of Medicine and Pharmacy, Hue University - 06 Ngo Quyen, Thuan Hoa Ward, Hue City, Vietnam

Received: 11/09/2025

Revised: 25/09/2025; Accepted: 20/10/2025

ABSTRACT

Objectives: The study aimed to describe knowledge and practices regarding GDM prevention and its associated factors among pregnant women attending antenatal care at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital in 2024.

Results: The percentage of pregnant women with satisfactory knowledge about GDM prevention was 57.1%, whereas only 21.5% demonstrated satisfactory practices. Factors related to knowledge included age, occupation, gestational age, and experience with the oral glucose tolerance test (OGTT) ($p < 0.05$). However, there was no statistically significant relationship between the identified factors and the practices of GDM prevention ($p > 0.05$).

Conclusions: Pregnant women have limited knowledge and practices related to GDM prevention. It is essential to enhance health communication and education, as well as to encourage experience with the OGTT, to improve awareness and preventive behaviors among this population.

Keywords: Knowledge, practices, gestational diabetes mellitus, pregnant women.

*Corresponding author

Email: ttnhan@huemed-univ.edu.vn **Phone:** (+84) 915151006 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD19.3563**

Kiến thức, thực hành về phòng bệnh đái tháo đường thai kỳ và một số yếu tố liên quan ở thai phụ đến khám thai tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế năm 2024

Trần Thị Thanh Nhân*, Lê Đức Huy Hoàng, Lê Thị Bích Thúy, Trần Văn Vui

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - 06 Ngô Quyền, P. Thuận Hoá, Tp. Huế, Việt Nam

Ngày nhận: 11/09/2025

Ngày sửa: 25/09/2025; Ngày đăng: 20/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả kiến thức, thực hành về phòng bệnh đái tháo đường thai kỳ (ĐTĐTK) và một số yếu tố liên quan ở thai phụ đến khám thai tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế năm 2024.

Kết quả: Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đạt về phòng bệnh ĐTĐTK là 57,1%, trong khi tỷ lệ có thực hành đạt chỉ 21,5%. Các yếu tố liên quan đến kiến thức bao gồm: tuổi, nghề nghiệp, tuổi thai và việc thực hiện xét nghiệm dung nạp glucose (OGTT) ($p < 0,05$). Không ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố và thực hành phòng bệnh ĐTĐTK ($p > 0,05$).

Kết luận: Nghiên cứu khuyến nghị cần tăng cường truyền thông – giáo dục sức khỏe và khuyến khích thực hiện OGTT để nâng cao nhận thức và hành vi dự phòng bệnh ĐTĐTK của thai phụ.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, đái tháo đường thai kỳ, thai phụ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), đái tháo đường thai kỳ được định nghĩa là “Tình trạng rối loạn dung nạp glucose ở bất kỳ mức độ nào, khởi phát hoặc được phát hiện lần đầu tiên trong lúc mang thai” [1]. Nhiều nghiên cứu cho thấy nguy cơ mắc đái tháo đường thai kỳ (ĐTĐTK) ở phụ nữ Đông Nam Á cao hơn đáng kể so với các nhóm dân tộc khác, đặc biệt cao gấp 7,6 lần so với phụ nữ da trắng (Khoảng tin cậy 95%: 4,1–14,1) [2].

Ở Việt Nam, tỷ lệ mắc ĐTĐTK có sự khác biệt đáng kể, dao động từ 3,6% đến 39,0% tùy theo tiêu chuẩn chẩn đoán được áp dụng và đặc điểm của quần thể nghiên cứu [3], [4]. Những con số này cho thấy ĐTĐTK không chỉ là một vấn đề y tế phổ biến mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe mẹ và thai nhi nếu không được quản lý đúng cách. Thực tế cho thấy khoảng 75% thai phụ mắc ĐTĐTK không biết mình mắc bệnh; trong số đã được phát hiện, khoảng 50% chẩn đoán muộn khi đã xuất hiện biến chứng.

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả kiến thức, thực hành về phòng bệnh đái tháo đường thai kỳ (ĐTĐTK) và một số yếu tố liên quan ở thai phụ

đến khám thai tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang.

2.2. Địa điểm nghiên cứu: Tại Bệnh viện trường đại học Y – Dược Huế.

2.3. Đối tượng và thời gian nghiên cứu: Thai phụ đến khám thai tại bệnh viện trường đại học Y – Dược, Đại học Huế, từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Chọn $p = 0,217$ [5]. Thay các giá trị vào công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu: $n = 261$.

*Tác giả liên hệ

Email: tttanh@huemed-univ.edu.vn Điện thoại: (+84) 915151006 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD19.3563>

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

Đặc điểm, thông tin sức khỏe của đối tượng nghiên cứu: Tuổi; Nghề nghiệp; Tuần thai; BMI; Thực hiện xét nghiệm dung nạp glucose; Nguồn thông tin phòng ngừa ĐTĐTK nhận được.

Đánh giá kiến thức, thực hành chung về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ:

Kiến thức phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ: Đánh giá đạt về kiến thức khi thai phụ trả lời được từ 40/80 điểm trở lên (từ 50% số điểm).

Thực hành phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ: Đánh giá đạt thực hành đạt khi thai phụ trả lời được từ 32/64 điểm trở lên (từ 50% số điểm).

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

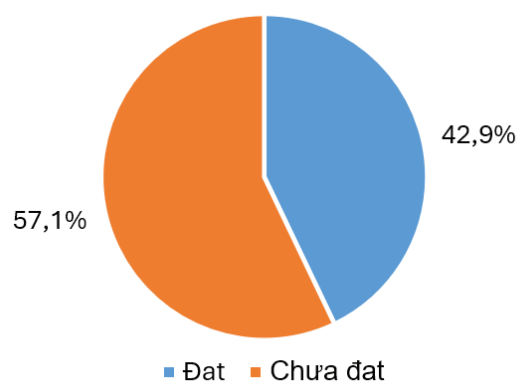
Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn được xây dựng dựa vào Hướng dẫn quốc gia về dự phòng và kiểm soát đái tháo đường thai kỳ năm 2018 của Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em – Bộ Y tế [6] và các nghiên cứu trước đó được chỉnh sửa cho phù hợp với mục tiêu của đề tài.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập dữ liệu bằng phần mềm Epidata 3.0. Sử dụng phần mềm SPSS 25.0 để phân tích số liệu thống kê: mô tả dùng số lượng và tỷ lệ %; mối liên quan sử dụng OR.

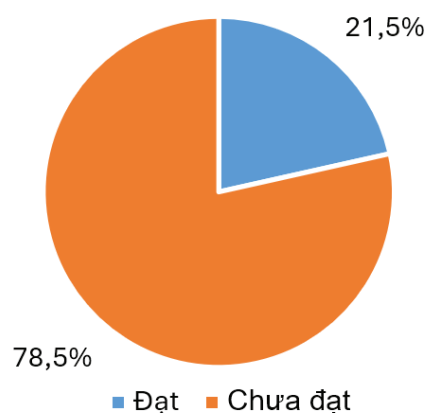
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiến thức, thực hành về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ



Biểu đồ 1. Đánh giá kiến thức chung về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ

Kết quả cho thấy tỷ lệ thai phụ có kiến thức đạt chiếm 57,1%.



Biểu đồ 2. Đánh giá thực hành chung phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ

Tỷ lệ thai phụ có thực hành phòng ngừa ĐTĐTK đạt chiếm 21,5%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành dự phòng BPTNMT của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa ĐTĐTK

Biến độc lập	OR	KTC 95%	p
Nhóm tuổi			
< 35 tuổi	1	-	0,03
≥ 35 tuổi	2,99	1,113 – 8,025	
Nghề nghiệp			
Lao động phổ thông	1	-	
Kinh doanh, Buôn bán, Dịch vụ	1,06	0,25 – 4,459	0,94
Công chức, viên chức	0,04	0,008 – 0,238	< 0,001
Nội trợ	1,28	0,338 – 4,874	0,71
Khác	0,44	0,1 – 1,906	0,27
Tuần thai			
< 24 tuần	1	-	
24 – 28 tuần	0,06	0,005 – 0,589	0,016
> 28 tuần	0,16	0,021 – 1,246	0,08
BMI			
Nhóm nguy cơ thấp (< 25)	1	-	0,15
Nhóm nguy cơ cao (≥ 25)	0,45	0,152 – 1,322	

Biến độc lập	OR	KTC 95%	p
Làm xét nghiệm OGTT			
Có	1	-	< 0,001
Không	49,45	13,029 – 187,74	
Nguồn thông tin nhận được			
CBYT tư vấn	Có	1	0,42
	Không	0,45	
Từ người bệnh khác	Có	1	0,33
	Không	2,02	
Truyền thanh xã/ phường	Có	1	0,399
	Không	0,58	
Qua truyền hình	Có	1	0,397
	Không	1,17	

Các yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng ngừa ĐTĐTK của ĐTNC bao gồm: nhóm tuổi, tuần thai, nghề nghiệp và làm xét nghiệm OGTT (với $p < 0,05$).

Bảng 2. Mô hình hồi quy đa biến logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến thực hành phòng ngừa ĐTĐTK

Biến độc lập	OR	KTC 95%	p
Làm xét nghiệm OGTT			
Có	1	-	0,28
Không	1,76	0,703 – 4,43	
Kiến thức			
Đạt	1	-	0,59
Không đạt	1,3	0,508 – 3,298	

Không tìm thấy mối liên quan giữa các yếu tố với thực hành phòng ngừa ĐTĐTK ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thực hành về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thai phụ có kiến thức chung đạt về ĐTĐTK là 57,1%. Kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Lê Hương ở bệnh viện phụ sản Trung ương năm 2012 [7], tỷ lệ thai phụ có kiến thức đạt về ĐTĐTK là 76,2%. Cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Vũ Thị Lệ Hiền tại Bệnh viện phụ sản tỉnh Nam Định năm 2022 [8], tỷ lệ thai phụ có kiến thức đạt về ĐTĐTK là 51,7% và kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thùy Linh tại bệnh viện Đại học Y Dược Hải phòng (2021) [5], tỷ lệ

thai phụ có kiến thức đạt về đái tháo đường thai kỳ là 21,7%.

Tỷ lệ đạt thực hành về phòng ngừa ĐTĐTK của thai phụ là 21,5%. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Lê Hương tại Bệnh viện phụ sản Trung ương [7] ghi nhận thai phụ có thực hành đạt tỷ lệ là 35,4%. Kết quả này phản ánh phần nào thực trạng việc chuyển hóa kiến thức thành hành vi thực tế vẫn còn hạn chế ở thai phụ. So với nghiên cứu khác sự chênh lệch này có thể do sự khác biệt về đặc điểm dân cư, mức độ tiếp cận thông tin y tế, cũng như chất lượng tư vấn và truyền thông tại các cơ sở y tế khác nhau.

4.2. Yếu tố liên quan tới kiến thức, thực hành về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ của ĐTNC

Các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa ĐTĐTK ở phân tích đa biến bao gồm: Tuổi, Nghề nghiệp, Tuần thai và Thực hiện xét nghiệm OGTT.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm thai phụ ≥ 35 tuổi trở lên có kiến thức chưa đạt cao gấp 2,99 lần so với nhóm < 35 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với OR = 2,99 và 95% CI: 1,113 – 8,025. Điều này cho thấy tuổi tác là một yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về ĐTĐTK. Có thể lý giải rằng nhóm thai phụ lớn tuổi thường mang thai muộn, dễ lo lắng và tập trung nhiều vào sức khỏe thai nhi, nhưng lại chưa tiếp cận đầy đủ thông tin hoặc ít tham gia các lớp giáo dục tiền sản hơn nhóm trẻ tuổi. Ngoài ra, họ có thể chịu ảnh hưởng bởi các quan niệm cũ hoặc thiếu cập nhật về y tế.

Nghề nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong mức độ kiến thức của thai phụ. Thai phụ làm công chức, viên chức có nguy cơ kiến thức chưa đạt thấp hơn 0,04 lần so với nhóm lao động phổ thông, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê OR = 0,04 và 95% CI: 0,008 – 0,238. Có thể thấy, nhóm có trình độ học vấn và điều kiện tiếp cận thông tin tốt hơn thường có kiến thức về ĐTĐTK đầy đủ hơn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm thai phụ tuổi thai 24 – 28 tuần có kiến thức chưa đạt thấp hơn 0,06 lần so với nhóm thai phụ tuổi thai < 24 tuần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê OR = 0,06 và 95% CI: 0,005 – 0,589. Kết quả này cho thấy rằng thai phụ trong độ tuổi thai 24–28 tuần có mức độ hiểu biết tốt hơn, và tỷ lệ có kiến thức chưa đạt ở nhóm này thấp hơn nhiều so với nhóm < 24 tuần. Điều này là phù hợp với thời điểm sàng lọc ĐTĐTK theo khuyến cáo. Chính tại thời điểm này, thai phụ thường được tư vấn kỹ về các yếu tố nguy cơ, hậu quả và biện pháp phòng ngừa, từ đó góp phần nâng cao mức độ kiến thức, giúp họ có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin y tế chính thống từ cán bộ y tế hoặc các chương trình giáo dục sức khỏe.

Kết quả cho thấy việc thực hiện làm xét nghiệm OGTT đóng vai trò rất quan trọng trong phát hiện và

phòng ngừa ĐTĐTK, nhóm thai phụ không làm xét nghiệm OGTT có kiến thức chưa đạt cao gấp 49,45 lần lần so với thai phụ có làm xét nghiệm OGTT, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $OR = 49,45$ lần và 95% CI: 13,029 – 187,74. Điều này cho thấy thực hiện làm xét nghiệm OGTT có vai trò quan trọng và liên quan chặt chẽ đến mức độ hiểu biết về ĐTĐTK.

Ở phân tích đa biến hồi quy logistic, không tìm được mối liên quan giữa các yếu tố: thực hiện xét nghiệm OGTT và kiến thức phòng ngừa ĐTĐTK đến thực hành phòng ngừa ĐTĐTK ($p > 0,05$).

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ thai phụ có kiến thức, thực hành chung đạt về phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ lần lượt là 57,1%, 21,5%. Phân tích hồi quy logistic đa biến cho thấy yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ bao gồm: Tuổi, Nghề nghiệp, Tuần thai và Thực hiện xét nghiệm dung nạp glucose. Không tìm được mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố với thực hành phòng ngừa đái tháo đường thai kỳ ($p > 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization. Definition, diagnosis and classification of diabetes mellitus and its complications: report of a WHO consultation. Geneva: WHO; 1999.
- [2] Dornhorst A, Paterson CM, Nicholls JSD, et al. High prevalence of gestational diabetes in women from ethnic minority groups. *Diabet Med*. 1992;9:820-5.
- [3] Ngô Thị Kim Phụng. Tầm soát đái tháo đường thai kỳ tại quận 4, thành phố Hồ Chí Minh [luận án Tiến sĩ Y học]. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Y Dược TP.HCM; 1999.
- [4] Thái Thị Thanh Thúy. Nghiên cứu tỷ lệ đái tháo đường thai kỳ theo tiêu chuẩn ADA năm 2011 và các yếu tố nguy cơ [luận văn chuyên khoa II]. Hà Nội: Trường Đại học Y Hà Nội; 2012.
- [5] Nguyễn Thị Thùy Linh. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về bệnh đái tháo đường thai kỳ ở thai phụ đến khám thai tại khoa sản, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021. *Tạp chí Y học Dự phòng*. 2022;32(5).
- [6] Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế. Hướng dẫn quốc gia dự phòng và kiểm soát đái tháo đường thai kỳ. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2018.
- [7] Nguyễn Lê Hương. Kiến thức, thực hành và tỷ lệ hiện mắc đái tháo đường thai kỳ ở thai phụ tới khám tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2012 và một số yếu tố liên quan [luận văn Thạc sĩ]. Hà Nội: Trường Đại học Y tế Công cộng; 2012.
- [8] Vũ Thị Lệ Hiền. Thực trạng kiến thức về đái tháo đường thai kỳ của thai phụ tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024;539(3).